|  |  |
| --- | --- |
| **UBNN QUẬN LONG BIÊN**  **TRƯỜNG THCS ĐÔ THỊ VIỆT HƯNG**  **Năm học 2019-2020** | **MỤC TIÊU, HÌNH THỨC, MA TRẬN**  **ĐỀ THI LẠI**  **MÔN: ĐỊA LÍ 8** |

**I. Mục tiêu:**

1.Kiến thức:

- Củng cố và hệ thống những kiến thức về khu vực Đông Nam Á, các đặc điểm địa hình, khí hậu sông ngòi của nước ta.

2.Kĩ năng:

- Củng cố kĩ năng đọc, phân tích và vẽ biểu đồ.

- Phân tích mối quan hệ giữa các sự vật, hiện tượng địa lí.

3.Thái độ:

- Giáo dục thái độ nghiêm túc khi làm bài, yêu thích môn học.

4. Đánh giá năng lực:

-Trình bày, phân tích, đánh giá, nhận xét, tổng hợp, vẽ biểu đồ, vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn.

**II. HÌNH THỨC**

1. **Trắc nghiệm**: 50%

* Số câu: 20
* Số điểm: 5

1. **Tự luận**: 50%

* Số câu: 3
* Số điểm: 5

**III. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | | **Tổng** | |
| TN | TL | TN | TL | | TN | TL | TN | TL |
| **Địa hình** | 2C  0.5đ |  | 6C  1.5đ |  | |  |  |  |  | *Số câu: 8*  *Số điểm:2đ* | |
| **Khí hậu** |  | 1C  2đ |  |  | |  |  |  |  | *Số câu: 1*  *Số điểm:2đ* | |
| **Sông ngòi** | 2C  0.5đ |  | 6C  1.5đ |  | |  |  |  |  | *Số câu: 8*  *Số điểm:2đ* | |
| **Đông Nam Á** | 4C  1đ |  |  |  | |  | 0.5C  2đ |  | *0.5C*  *1đ* | *Số câu: 5*  *Số điểm:4đ* | |
| Tổng số câu  Tổng số điểm  Tỉ lệ % | *Số câu: 9*  *Số điểm: 4đ*  *40%* | | *Số câu:12*  *Số điểm: 3đ*  *30%* | | | *Số câu:0.5*  *Số điểm: 2đ*  *20%* | | *Số câu:0.5*  *Số điểm: 1đ*  *10%* | | *Tổng số câu:22*  *Tổng số điểm:10*  *100%* | |
| **UBNN QUẬN LONG BIÊN**  **TRƯỜNG THCS ĐÔ THỊ VIỆT HƯNG**  **Năm học 2019-2020** | | | | | | **ĐỀ THI LẠI**  **Môn: Địa lí 8**  **Thời gian: 45 phút** | | | | | |

**Phần I. Trắc nghiệm (5 điểm)**

**Hãy chọn và ghi chữ cái đứng đầu đáp án đúng vào bài kiểm tra.**

**Câu 1. Bộ phận nào quan trọng nhất trong cấu trúc địa hình Việt Nam?**

A. Đồi núi B. Đồng bằng

C. Địa hình bờ biển D. Thềm lục địa

**Câu 2. Chủng tộc chủ yếu ở Đông Nam Á là:**

A. Ơ-rô-pê-ô-it   B. Môn-gô-lô-it

C. Ô-xtra-lô-it D. Môn-gô-lô-it và Ô-xtra-lô-it.

**Câu 3. Đông Nam Á gồm mấy bộ phận?**

   A. 1        B. 2 C. 3       D. 4

**Câu 4. Đông Nam Á có bao nhiêu quốc gia?**

   A. 9 B. 10 C. 11        D. 12

**Câu 5. Chế độ nước của sông ngòi nước ta có đặc điểm:**

   A. Sông ngòi đầy nước quanh năm

   B. Lũ vào thời kì mùa xuân.

   C. Hai mùa nước: mùa lũ và mùa cạn khác nhau rõ rệt.

   D. Sông ngòi nhiều nước nhưng càng về mùa hạ lượng nước càng giảm.

**Câu 6. Dãy núi chạy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam ở nước ta là:**

A. Hoàng Liên Sơn. B. Cánh cung Sông Gâm

C. Cánh cung Ngân Sơn D. Cánh cung Đông Triều

**Câu 7. Đỉnh Phan -xi-păng (nóc nhà của Việt Nam) có độ cao:**

**A. 3142 m B. 3143 m C.3144 m D. 3145 m**

**Câu 8. Hệ thống sông không chảy theo hướng vòng cung và hướng Tây Bắc –Đông Nam của nước ta là:**

   A. Sông Kì Cùng-Bằng Giang  B. Sông Hồng

   C. Sông Mã D. Sông Cả

**Câu 9. Lượng phù sa lớn của sông ngòi tập trung chủ yếu vào hai hệ thống sông nào của nước ta?**

   A. Sông Hồng và sông Mã  B. Sông Mã và sông Đồng Nai

   C. Sông Đồng Nai và sông Mê Công D. Sông Hồng và sông Mê Công

**Câu 10. Sông nào có giá trị thủy điện lớn nhất ở nước ta?**

   A. Sông Mê Công B. Sông Mã

   C. Sông Cả D. Sông Đà

**Câu 11.** **Đông Nam Á là cầu nối của hai đại dương nào?**

   A. Thái Bình Dương và Đại Tây Dương.

   B. Thái Bình Dương và Bắc Băng Dương.

   C. Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương.

   D. Ấn Độ Dương và Đại Tây Dương.

**Câu 12.** **Địa hình đặc trưng của vùng núi đá vôi ở nước ta là:**

   A. Địa hình cacxtơ B. Địa hình đồng bằng

   C. Địa hình bán bình nguyên D. Địa hình cao nguyên

**Câu 13.** **Địa hình thấp dưới 1000m chiếm khoảng bao nhiêu % diện tích phần đất liền nước ta?**

   A. 55% B. 65%

   C. 75% D. 85%

**Câu 14.** **Sông ngòi nước ta có đặc điểm:**

   A. Nhỏ, ngắn và dốc. B. Nhỏ, ngắn và sông chảy êm đềm.

   C. Sông dài, lớn và dốc.  D. Sông dài, lớn và chảy êm đềm.

**Câu 15. Nhà máy thủy điện Hòa Bình được xây dựng trên:**

A. Sông Chảy B. Sông Đà

C. Sông Sài Gòn D. Sông Lô

**Câu 16. Dãy Hoàng Liên Sơn nằm ở vùng núi nào của nước ta?**

A. Vùng núi Đông Bắc

B. Vùng núi Tây Bắc.

C. Vùng núi Trường Sơn Bắc

D. Vùng núi và cao nguyên Trường Sơn Nam.

**Câu 17. Đèo Ngang nằm giữa các tỉnh nào?**

A. Nghệ An, Hà Tĩnh B. Hà Tĩnh, Quảng Bình

C. Quảng Bình, Quảng Trị D. Quảng Trị, Thừa Thiên Huế

**Câu 18.** **Mạng** **lưới sông ngòi nước ta có đặc điểm:**

   A. Mạng lưới sông ngòi thưa thớt.

   B. Mạng lưới sông ngòi nước ta dày đặc, chủ yếu là các sông lớn.

   C. Mạng lưới sông ngòi thưa thớt, phân bố rông khắp.

   D. Mạng lưới sông ngòi dày đặc, phân bố rộng khắp.

**Câu 19.** **Sông ngòi nước ta chảy theo hai hướng chủ yếu là:**

   A. Tây Bắc-Đông Nam và vòng cung B. Tây Bắc-Đông Nam và Tây-Đông

   C. Vòng cung và Tây-Đông D. Tây-Đông và Bắc-Nam

**Câu 20. Địa hình nước ta chủ yếu có hướng:**

A. Tây Bắc-Đông Nam. B. Vòng cung,

C. Tây Đông. D. Tây Bắc-Đông Nam và vòng cung

**Phần II: Tự luận (5 điểm)**

**Câu 1 (2 điểm) :** Chứng minh khí hậu nước ta mang tính chất nhiệt đới gió mùa ẩm.

**Câu 2 (3 điểm) :** Cho bảng số liệu về tỉ trọng sản lượng cao su và hồ tiêu của Đông Nam Á so với thế giới năm 2012 (%)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Đông Nam Á** | **Thế giới** |
| **Cao su** | 91,5 | 100 |
| **Hồ tiêu** | 60 | 100 |

1. Hãy vẽ biểu đồ tròn thể hiện tỉ trọng sản lượng cao su và hồ tiêu của Đông Nam Á so với thế giới năm 2012 (%)
2. Vì sao khu vực Đông Nam Á trồng được nhiều cao su và hồ tiêu?

*\* Học sinh được sử dụng Atlat địa lí Việt Nam*

|  |  |
| --- | --- |
| **UBND QUẬN LONG BIÊN**  **TRƯỜNG THCS ĐÔ THỊ VIỆT HƯNG**  **Năm học 2019-2020** | **HƯỚNG DẪN VÀ BIỂU ĐIỂM CHẤM**  **ĐỀ THI LẠI**  **MÔN: ĐỊA LÍ 8** |

**Phần I: Trắc nghiệm (5 điểm)**

***Mỗi câu trả lời đúng được 0.25 điểm***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** |
| **Đáp án** | **A** | **B** | **B** | **C** | **C** | **A** | **B** | **A** | **D** | **D** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** |
| **Đáp án** | **C** | **A** | **D** | **A** | **B** | **B** | **B** | **D** | **A** | **D** |

**Phần II: Tự luận (5 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Biểu điểm** |
| **Câu 1**  **(2 điểm)** | Tính chất nhiệt đới:  + Nhiệt độ trung bình năm cao > 21 độ C.  + Bình quân 1m2 lãnh thổ nhận được trên 1 triệu kilo calo nhiệt năng.  + Số giờ nắng đạt từ 1400 – 3000 giờ/ năm  - Tính chất gió mùa: Một năm có 2 mùa gió:  + Gió mùa đông: lạnh, khô.  + Gió mùa hạ: nóng, ẩm.  - Tính chất ẩm:  + Lượng mưa trung bình năm lớn: từ 1500 – 2000 mm/năm.  + Độ ẩm không khí > 80%. | 0.25 điểm  0.25 điểm  0.25 điểm  0.25 điểm  0.25 điểm  0.25 điểm  0.25 điểm  0.25 điểm |
| **Câu 2**  **(3 điểm)** | **a. Vẽ biểu đồ tròn đúng đẹp đầy đủ tên biểu đồ, chú giải**  **b.** Do có nhiều điều kiện tự nhiên thuận lợi:  - Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa với nguồn nhiệt ẩm dồi dào, lượng mưa lớn  - Đất badan và feralit phân bố rộng lớn trên các cao nguyên, vùng đồi trung du  - Có nhiều hệ thống sông với nguồn nước dồi dào: sông Mê Kông, sông Mê Nam,... | 2đ  0.25 điểm  0.25 điểm  0.25 điểm  0.25 điểm |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **BGH duyệt** | **TTCM** | **NTCM** | **Người ra đề** |
|  | Nguyễn T.T. Thủy | Nguyễn T.T. Hằng | Nguyễn T.T. Hằng |